UBND TỈNH NINH BÌNH **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:1534/QĐ-SXD	*Ninh Bình, ngày 07 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG NINH BÌNH

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển Kinh tế- xã hội và dự toán NSNN năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 của Sở Xây dựng Ninh Bình như sau:

(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và được công bố công khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên cơ quan Sở Xây dựng Ninh Bình.

Điều 3. Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc, các phòng chuyên môn và toàn thể cán bộ công chức, viên chức và nhân viên cơ quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Tài chính
- Lãnh đạo Sở ;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT,KT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH NINH BÌNH

Cao Trường Sơn

Biểu số 3- Theo TT90/2018/TT-BTC

Đơn vị: Sở Xây dựng
Chương: 419

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 07 tháng 7 Năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Xây dựng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

ĐV tính: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ
A	**VĂN PHÒNG SỞ**				
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí, thu khác**	2.700.000	1.587.302	58,8%	
1	Lệ phí	92.000	19.475	21,2%	
*	Lệ phí cấp phép XD	*12.000*	*8.625*	71,9%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	80.000	10.850	13,6%	
2	Phí	2.550.000	1.440.234	56,5%	
*	Phí thẩm định đầu tư	2.400.000	1.177.078	49,0%	
*	Phí thẩm định đồ án QH	150.000	263.156	175,4%	
3	Thu khác	58.000	127.593	220,0%	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**2.350.000**	**919.168**	**39,1%**	
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	*2.350.000*	*919.168*	39,1%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.350.000	919.168	39,1%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			
III	**Số phí, lệ phí, thu khác nộp NSNN**	**350.000**	**131.758**	**37,6%**	
1	Lệ phí	52.000	14.050	27,0%	
*	Lệ phí cấp phép XD	12.000	8.625	71,9%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	40.000	5.425	13,6%	
2	Phí	240.000	117.708	49,0%	
*	Phí thẩm định đầu tư	*240.000*	117.708	49,0%	
*	Phí thẩm định đồ án QH	-	-		
3	Thu khác	58.000	-		
B	***Dự toán chi ngân sách nhà nước***				
I	***Nguồn ngân sách trong nước***	*15.747.799*	*3.177.219*	*20%*	
1	**Chi quản lý hành chính**	**15.747.799**	**3.177.219**	**20%**	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.813.200**	**2.117.652**	**56%**	
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.674.800**	**483.184**	**29%**	
1.2.1	**Mua sắm**	**46.800**	**21.600**	**46%**	
1.2.2	**Sửa chữa**	**504.000**	**449.684**	**89%**	
1.2.3	**Chi hoạt động đào tạo**	-	-		
1.2.4	**Nhiệm vụ đặc thù**	**1.124.000**	**11.900**	1,1%	
*	Phòng chống lụt bão	20.000	-		
*	Trang phục thanh tra	32.000	-		
*	Duy trì trang Web	43.000	9.900	23%	
*	Lập bảng giá ca máy và thiết bị thi công công trình XD; Các bộ đơn giá xây dựng CT và xác định đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh	932.000	-		
*	Kinh phí tổ chức ĐH Đảng bộ Sở XD	45.180	-		
*	Kinh phí thực hiện CCHC	30.000	-		
*	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000	-		
*	Kinh phí chuyển đổi, áp dụng hệ thống ISO9001:2015	25.000	-		
*	Duy trì phần mềm Quản lý Tsan	2.000	2.000	100%	
1.3	**Nhiệm vụ tỉnh giao**	**10.259.799**	**576.383**	**6%**	
1.3.1	**Chương trình XD nông thôn mới**	**50.000**	-		
1.3.2	**Nhiệm vụ Quy hoạch**	**10.209.799**	**576.383**	5,6%	
*	Quy hoạch Trung tâm Ninh Hải, Ninh Thắng	632.000	338.183	53,5%	
*	Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh NB giai đoạn đến năm 2021-2030	650.000	-		
*	Lập kế hoạch phát triển nhà ở	270.000	-		
*	Lập QH phân khu Khu 4-4 (phân khu NT)	8.657.799	238.200	2,8%	
B	**VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**220.000**	**161.000**	**73%**	
1	***Chi quản lý hành chính***	***220.000***	***161.000***	**73%**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	220.000	161.000	**73%**	
2	***Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ***				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
C	**CHI CỤC GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG**				
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**200.000**	136.000	68%	
1	Lệ phí				
	Lệ phí…				
	Lệ phí…				
2	Phí				
	Phí Kiểm tra công tác QLCL, công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	**200.000**	136.000	68%	
	Phí …				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**180.000**	**120.000**	67%	
1	***Chi sự nghiệp……..***				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	140.000	95.000	68%	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***	*40.000*	*25.000*	63%	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	*40.000*	25.000	63%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**20.000**	**13.000**	65%	
1	***Lệ phí***	***20.000***	***13.000***	65%	
	Lệ phí…				
	Lệ phí…				
2	Phí				
	Phí Kiểm tra công tác QLCL, công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	20.000	13.000,0	65%	
	Phí …				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**	**3.263.000**	**1.171.000**	36%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.218.000	1.064.000	48%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.045.000	*107.000*	10%	
C	**Thu - chi từ hoạt động Dịch vụ**	**5.600.000**	*3.195.000*	57%	
2.1	***Thu từ hoạt động dịch vụ***	***5.155.000***	***2.950.000***	57%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ
	- Kiểm định, Thí nghiêm, tư vấn khác	*5.155.000*	2.950.000	57%	
2,2	***Chi từ hoạt động dịch vụ***	***5.155.000***	***2.364.000***	46%	
	- Kiểm định, Thí nghiêm, tư vấn khác	*5.155.000*	*2.364.000*	46%	
2,3	*Nộp NSNN*	**445.000**	***245.000***	55%	
	- Kiểm định, Thí nghiêm, tư vấn khác	0	*245.000*	0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ
	- Kiểm định, Thí nghiêm, tư vấn khác	*5.155.000*	2.950.000	57%	
2,2	***Chi từ hoạt động dịch vụ***	***5.155.000***	***2.364.000***	46%	
	- Kiểm định, Thí nghiêm, tư vấn khác	*5.155.000*	*2.364.000*	46%	
2,3	*Nộp NSNN*	**445.000**	***245.000***	55%	
	- Kiểm định, Thí nghiêm, tư vấn khác	0	*245.000*	0%	

Kế Toán trưởng

Đinh Thị Thúy Hà

Thủ trưởng đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH NINH BÌNH

Cao Trường Sơn